

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2021/DS-PT

Ngày: 17-12-2021

V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Âu Thị L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 166, Ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Âu Văn T2, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T3: Bà Âu Thị A, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 29-01-2021).

- *Người kháng cáo: Bà Âu Thị L – Bị đơn.*

(Bà T, ông T1 có mặt tại phiên tòa; những đương sự khác không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo nên không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-3-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào chiều ngày 09 tháng 11 năm 2018, cha chồng của bà là ông Trần Văn C1 có xảy ra xích mích với ông B là rể của bà Âu Thị L. Trước đó gia đình bà và gia đình bà L cũng đã có xảy ra mâu thuẫn nên bà L có kêu em và cháu của bà là ông Âu Văn T2, ông Nguyễn Văn T3 và chồng của bà là ông Trần Văn C đến nhà ông C1, gây chuyện với ông C1, chồng bà T là ông Nhân với bà T. Bà L cũng có mặt tại đây và bà L có cầm ghế mũ đánh vào mặt bà một cái làm bà bị thương gãy xương mặt. Hôm sau, bà đi khám tại bệnh viện tư nhân ở xã Hậu Mỹ Bắc A, nói bà bị chấn thương phần mềm và có cho thuốc uống. Nhưng khi về nhà bà vẫn bị đau nên có đi lên bệnh viện Chấn thương chỉnh hình khám nhưng do bệnh viện Chấn thương chỉnh hình không có chuyên khoa mới chuyển bà qua bệnh viện Răng Hàm Mặt điều trị mổ nâng xương mặt.

Nay bà yêu cầu bà Âu Thị L bồi thường 18.529.000 đồng (Trong đó tiền thuốc điều trị 12.899.000 đồng, tiền tàu xe đi lại 630.000 đồng, tiền công lao động 10 ngày mỗi ngày 200.000 đồng x 10 ngày thành tiền 2.000.000 đồng, tiền ăn trong thời gian dưỡng thương 3.000.000 đồng).

Bị đơn bà Âu Thị L trình bày:

Vào ngày 03-10 (AL) năm 2018, khi bà đi công chuyện về thì con rể bà là Trần Văn B có điện thoại cho chồng bà là ông Trần Văn C nói ông Trần Văn C1 chửi ông B và đòi nhổ phần mít của con bà trồng ở gần đất của ông Trần Văn C1. Bà có kêu chồng và kêu con rể về nhưng trong lúc đó ông Trần Văn C1 vẫn tiếp tục chửi bà và gia đình bà đến khoảng 5-6 giờ chiều (do trước đó gia đình bà và gia đình ông C1 có tranh chấp phần đất ruộng giữa hai bên) và khoảng thời gian đó chồng bà có đi từ nhà cha mẹ ruột về, đi ngang qua nhà ông C1 vẫn nghe ông C1 chửi thề nên chồng bà có dừng lại và con rể bà đi đám giỗ về cũng dừng lại và hai bên có xảy ra lời qua tiếng lại. Bà có qua kéo chồng và con rể về nhưng ông C1 vẫn chửi gia đình bà rất lớn tiếng, lúc đó con ông C1 tên Trần Trọng Nhân và dâu là bà Nguyễn Thị T đi công chuyện về sự việc càng xảy ra to tiếng hơn.

Sau đó ông T3 có điện thoại hỏi thì con dâu bà có trình bày sự việc gia đình ông Nhân, bà T, ông C1 chửi gia đình bà nên ông T3 có chạy vô. Khoảng 5 phút sau thì cháu bà là Nguyễn Văn T3 có chạy qua nhà ông C1 và thấy bà T tay cầm con dao, bà sợ nên mới cầm cái ghế có sẵn tại nhà ông C1 chọi bà T một cái và kéo cháu

bà là ông T3 về. Bà có hỏi ông T3 thì ông T3 nói bị vợ ông Nhân chém rách áo và chảy máu ở phần vai và lúc đó có Công an và chính quyền địa phương chứng kiến sự việc, từ đó bà và con rể, ông T3 ra về. Một ngày sau bà thấy bà T không có thương tật hay bị thương gì, còn phụ chồng đi đốn cây. Sau đó bà có nghe bà T nói đi khám bệnh và nhập viện và có vắng nhà 4-5 ngày. Sau đó bà T về thì thấy vẫn bình thường không có dấu hiệu gì của việc có mổ và nhập viện.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường tiền khám điều trị bệnh và tiền tàu xe đi lại là 18.529.000 đồng, bà không đồng ý do bà không đánh bà T gây thương tích.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn C trình bày: Sự việc xảy ra giữa vợ ông là bà L và bà T ông không có mặt nên ông không có biết sự việc này.

- Ông Nguyễn Văn T3 do bà Âu Thị A đại diện trình bày: Ngày hôm đó ông T3 thấy bà T cầm con dao nên bà L mới cầm cái ghế có sẵn nhà ông C1 chơi bà T và kéo ông T3 cùng về nhà với bà L. Còn sự việc bà T bị thương ông T3 không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Áp dụng Điều 357, 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Âu Thị L có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 15.249.000 đồng (Trong đó tiền thuốc điều trị 12.899.000 đồng; tiền tàu xe đi lại là 350.000 đồng; tiền công lao động trong thời gian nằm viện 2.000.000 đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/ năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Bác yêu cầu bà T với số tiền là 3.280.000 đồng;

4. Không chấp nhận yêu cầu xin bồi thường 5.000.000 đồng của bà Âu Thị L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-5-2021, bị đơn bà Âu Thị L kháng cáo không đồng ý bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 15.249.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, bà L có cầm ghế nhựa đánh vào mặt bà, phía bên trái, làm cho bà bị gãy xương má. Sau khi bị bà L đánh, bà có đi khám tại bệnh viện tư nhân ở xã Hậu Mỹ Bắc A. Nhưng khi về nhà bà vẫn bị đau nên có đi khám tại bệnh viện Răng Hàm Mặt để điều trị mổ nâng xương mặt. Bà không đồng ý kháng cáo của bà L, đồng ý với bản án sơ thẩm.

Bị đơn, bà Âu Thị L do ông Phạm Văn T1 đại diện trình bày:

Bà L đánh bà T chỉ bị thương phần mềm, vết thương không nặng nên chỉ đồng ý bồi thường 5.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Ngày 09 tháng 11 năm 2018, bà L có dùng ghế nhựa đánh vào mặt bà T, do ghế nhựa không phải là hung khí nguy hiểm nên cơ quan điều tra không có khởi tố bà L. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 20/TgT.19.PY ngày 11-01-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà T là 09%. Bà T bị gãy xương má trái nên bà L phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bà T tiền thuốc điều trị 12.899.000 đồng; tiền taxi đi lại 350.000 đồng; tiền công lao động trong thời gian nằm viện là 2.000.000 đồng là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Không chấp nhận yêu cầu xin bồi thường 5.000.000 đồng của bà Âu Thị L” là không cần thiết, vì đây chỉ là ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào chiều ngày 09 tháng 11 năm 2018, cha chồng của bà T là ông Trần Văn C1 có xảy ra xích mích với ông B là rể của bà Âu Thị L. Trước đó gia đình bà T và gia đình bà L cũng đã có xảy ra mâu thuẫn. Trong khi cãi nhau tại nhà ông C1, bà L cầm ghế mũ chọi trúng bà T bị thương gãy xương mặt.

[2] Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 20/TgT.19.PY ngày 11-01-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà T là 09%.

Ngày 12-11-2018, bà T đến bệnh viện Răng Hàm Mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh khám phát hiện gãy xương má cung tiếp trái nên phải nhập viện để phẫu thuật điều trị.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thạnh có Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 05/QĐ-CSĐT ngày 12-02-2019.

[3] Bà L cho rằng bà chỉ dùng ghế chọi về hướng bà T có trúng bà T không thì bà không rõ nên thương tích của bà T không phải do mình gây ra. Nhưng tại cơ

quan điều tra Công an huyện Tân Thạnh, biên bản ghi lời khai ngày 11-11-2018, bà L thừa nhận có dùng tay phải cầm ghế đánh vào mặt bà T và bà cũng chấp nhận bồi thường tiền thuốc cho bà T; Biên bản ghi lời khai ngày 08-12-2018, ông Nguyễn Văn T3 cháu bà L cũng xác nhận có nhìn thấy bà L dùng ghế đánh vào mặt bà T. Do đó, có cơ sở xác định thương tích của bà T do bà L gây ra nên bà L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà T.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà T, buộc bà L có trách nhiệm bồi thường cho bà T số tiền 15.249.000 đồng. Trong đó tiền thuốc điều trị có hóa đơn là 12.899.000 đồng; tiền tàu xe đi lại là 350.000 đồng (tiền tàu xe và tiền đồ xăng đi từ Nhơn Ninh đến Hậu Mỹ Bắc A là 30.000 đồng, tiền xe đi và về từ Nhơn Ninh đến Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại với giá xe tốc hành mỗi chuyến là 80.000.đồng x 4 chuyến thành tiền là 320.000 đồng); tiền công lao động trong thời gian nằm viện 2.000.000 đồng (nhập viện ngày 12-11-2018 ra viện ngày 16-11-2018 và bác sĩ chỉ định cho nghỉ từ ngày 17 đến 23-11-2018 nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu 10 ngày x 200.000đ/ngày) là có căn cứ. Bà L kháng cáo, chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà T 5.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên *“Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi 10%/ năm của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.”* là chưa chính xác, cần phải điều chỉnh lại như sau: *“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”* và tuyên: *“Không chấp nhận yêu cầu xin bồi thường 5.000.000 đồng của bà Âu Thị L”* là không cần thiết, vì đây chỉ là ý kiến của bị đơn, không phải là yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Âu Thị L;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 357, 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Âu Thị L có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 15.249.000 đồng (Trong đó tiền thuốc điều trị 12.899.000 đồng; tiền tàu xe đi lại 350.000 đồng; tiền công lao động trong thời gian nằm viện là 2.000.000 đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà T đối với số tiền tàu xe, tiền ăn là 3.280.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Âu Thị L phải chịu 762.450 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Âu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004808 ngày 09-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh để thi hành án phí.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

